

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2017.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đời.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn.
2. Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh V, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2017, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa ông Trần Thanh V trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do không hòa hợp trong lối sống, thường hay cãi vã do bà B đi làm ăn xa, ít gặp nhau, ông và bà B đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ và tiếp tục chung sống nên ông yêu cầu ly hôn bà B.

Về con chung: Ông và bà B có 02 người con chung, người con thứ nhất tên Trần Đình A, sinh năm 1997 và người con thứ hai là Trần Thị Nhã L, sinh ngày 08/11/2000, hiện 02 con đang sống với bà B. Đối với Trần Đình A đã thành niên, sức khỏe bình thường và có khả năng tự lao động sinh sống, nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Ông yêu cầu giao Trần Thị Nhã L cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà B tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/8/2017 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của ông Trần Thanh V về thời gian bà và ông V chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Mâu thuẫn là đúng như ông V trình bày. Nay bà không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với ông V, nay bà đồng ý ly hôn với ông V.

Về con chung: Đúng như ông V trình bày, nay bà đồng ý nuôi Trần Thị Nhã L, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Năm 1996, ông V và bà B chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân của ông V và bà B đã vi phạm về thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông V và bà B là không hợp pháp, nay xét không công nhận ông V và bà B là vợ chồng là có căn cứ theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đối với Trần Đình A đã thành niên, sức khỏe bình thường và có khả năng tự lao động sinh sống, nên không đặt ra xem xét. Ông V và bà B thống nhất thỏa thuận giao Trần Thị Nhã L (giới tính nữ), sinh ngày 08/11/2000 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời Trần Thị Nhã L cũng có yêu cầu được sống chung với mẹ. Xét việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con như trên của bà B và ông V là không trái với đạo đức xã hội, không trái pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của Trần Thị Nhã L nên có căn cứ ghi nhận theo Điều 15 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà B không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, xét nên ghi nhận là phù hợp theo Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Ông V và bà B yêu cầu tự thỏa thuận phân chia, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông V phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Thanh V và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận người trực tiếp nuôi con giữa ông Trần Thanh V và bà Nguyễn Thị B, giao Trần Thị Nhã L (giới tính nữ), sinh ngày 08/11/2000 cho bà Nguyễn Thị B chịu trách nhiệm tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị B là không yêu cầu ông Trần Thanh V cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Thanh V phải chịu 300.000 đồng, ông Trần Thanh V đã nộp tạm ứng xong tại biên lai thu tiền số 0006658 ngày 03/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đồi